TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Duyên

2. Bà Trần Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại Tòa án Nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N – Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn P B, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn P B, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 23/8/1993. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng 10 năm trở lại cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T có tình cảm với người khác, chị khuyên can nhiều lần nhưng không được, còn bị anh T đánh đập. Nay nhận thấy tình cảm không còn, cả hai không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn giữa chị và anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T – SN 1995 và Nguyễn Thị Thanh TH – SN 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của bị đơn anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 23/8/1993. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc, đến khoảng 04 năm trở lại chị N tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa và có quan hệ bất chính với người khác, đã bị anh và con gái phát hiện. Nay nhận thấy tình cảm không còn, cả hai không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân. Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn giữa chị và anh T để ổn định cuộc sống, anh T đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T – SN 1995 và Nguyễn Thị Thanh TH – SN 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì;

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim N;

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T – SN 1995 và Nguyễn Thị Thanh TH – SN 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị N tự nguyện chịu án phí cho anh T nên chị N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh T hiện nay đang cư trú tại xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt, tuy nhiên vào ngày 06/9/2019 anh T đã trình bày lời khai tại Tòa và tham gia phiên tòa.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào ngày 23 tháng 8 năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân của chị N và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Trong khoảng 10 năm trở lại đây cả chị N và anh T đều có tình cảm với người khác, không quan tâm đến đời sống gia đình. Tại phiên tòa hôm nay, chị N và anh T đều đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy giữa chị N và anh T không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3]. Về con chung: Trong thời gian sống chung có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T – SN 1995 và Nguyễn Thị Thanh TH – SN 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành, đủ năng lực hành vi dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu, anh T không có yêu cầu phản tố nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị N và anh T phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng chị N tự nguyện chịu thay anh T nên chị N phải chịu tiền án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N.**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2010/0011195 ngày 15/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Long

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chị cục THADS huyện;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã X;
- Lưu HS vụ án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phương **Đặng Thị Duyên** **Nguyễn Văn Long**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lý Vũ **Nguyễn Công Hiền** **Nguyễn Văn Long**